

BÁO CÁO
Tổng kết sản xuất vụ Đông Xuân 2014 - 2015
Kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2015 - 2016

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2014-2015

I. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Được sự chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành liên quan từ tỉnh tới cơ sở; sự nỗ lực của ngành Nông nghiệp & PTNT và bà con nông dân trong tỉnh.

- Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Trung ương và của tỉnh đã và đang tiếp tục đi vào cuộc sống, là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển sản xuất nông nghiệp; đặc biệt, Nghị quyết số 52/2012/NQ-HĐND và Nghị quyết số 53/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 về cơ chế đầu tư, hỗ trợ phát triển giống cây trồng, vật nuôi và cơ chế hỗ trợ phát triển trồng trọt sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2012-2015 đã động viên, khích lệ nông dân đẩy mạnh phát triển sản xuất.

- Ngày 19/12/2014, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 19/CT-CT về việc tăng cường tổ chức diệt chuột bảo vệ sản xuất và đời sống; các cấp, các ngành từ tỉnh xuống cơ sở có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất phương án chỉ đạo các đợt cao điểm để phát động chiến dịch diệt chuột đồng loạt, góp phần bảo vệ sản xuất.

- Các xã trên địa bàn tỉnh đã có quy hoạch nông thôn mới, trong đó có quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp, đây là cơ sở để các địa phương xác định và lựa chọn cây trồng chủ lực, tập trung đầu tư phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa nhằm tăng giá trị gia tăng trong sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nông dân.

- Thời tiết ấm đầu vụ thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng ngày càng hoàn thiện.

- Các huyện, thành, thị đã chủ động, sớm xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất với các biện pháp chỉ đạo cụ thể, phù hợp, cơ bản đảm bảo về thời vụ, cơ cấu giống, vật tư nông nghiệp, công tác thủy lợi, bảo vệ thực vật...

- Các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp tăng cả về số và chất lượng. Sở Nông nghiệp & PTNT thường xuyên chỉ đạo các đơn vị trực thuộc liên quan làm tốt các dịch vụ, khuyến khích việc cung ứng, chuyển giao

giống, vật tư nông nghiệp, kỹ thuật mới phục vụ sản xuất. Đồng thời, phối hợp với các cấp, các ngành liên quan tổ chức thanh, kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng của các hoạt động dịch vụ.

- Nông dân trong tỉnh cần cù, chịu khó; có điều kiện tiếp thu, áp dụng những tiến bộ kỹ thuật về giống, phân bón, thuốc BVTV, kỹ thuật thâm canh các loại cây trồng mới... vào sản xuất.

- Đã xuất hiện nhân tố mới trong sản xuất như: Thực hiện dồn ghép ruộng đất, thuê ruộng hoặc gom ruộng để đổi mới tổ chức sản xuất với quy mô lớn, tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa.

2. Khó khăn

- Thời tiết ấm hơn trung bình nhiều năm từ $0,5-1^{\circ}\text{C}$, nền nhiệt độ thay đổi thất thường, cuối vụ lượng mưa thấp, làm ảnh hưởng đến sinh trưởng cây trồng.

- Ruộng đất nhỏ lẻ, manh mún, khó chỉ đạo sản xuất, nhất là sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

- Sự phối hợp giữa các đơn vị chuyên môn và các huyện, thành, thị chưa thường xuyên, kịp thời, dẫn đến việc cập nhật thông tin và biện pháp xử lý còn lúng túng, hiệu quả chưa cao. Công tác chỉ đạo có nơi, có lúc chưa sâu sát, quyết liệt.

- Giá các loại vật tư sản xuất đầu vào (giống, phân bón...) còn cao, việc ứng dụng cơ giới hóa trong nông nghiệp còn hạn chế, đặc biệt việc tiêu thụ sản phẩm cho nông dân chưa được quan tâm đúng mức nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý người sản xuất, nhất là việc mở rộng sản xuất hàng hóa.

- Công tác quản lý, thanh kiểm tra chất lượng giống cây trồng, vật tư nông nghiệp còn hạn chế, bất cập.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2014-2015

Vụ Đông Xuân 2014-2015 là một vụ có thời tiết ấm: Cuối tháng 2 đến đầu tháng 3, thời tiết nắng ấm liên tục (*hiệu độ cao nhất lên tới $29,5-31,0^{\circ}\text{C}$*) làm cây trồng sinh trưởng, phát triển mạnh, lúa trổ sớm hơn trung bình nhiều năm từ 5-7 ngày. Cuối tháng 4, đầu tháng 5 nền nhiệt độ cao, không mưa làm một số diện tích bị hạn.

(Chi tiết tại Bảng 1 phần phụ lục)

Được sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, sự cố gắng nỗ lực của ngành Nông nghiệp & PTNT và bà con nông dân trong tỉnh nên sản xuất vụ Đông Xuân 2014-2015 đạt kết quả khá (vẫn được đánh giá là một vụ được mùa), cụ thể:

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm: 42.032,4 ha, giảm 0,22% so với cùng kỳ (giảm 90,6 ha). Diện tích cây lương thực có hạt: 33.268,2 ha, tăng 0,18% so với cùng kỳ (tăng 59,4 ha); sản lượng lương thực có hạt 195.599,6 tấn, giảm 1.610,3 tấn so cùng kỳ năm 2014. Năng suất hầu hết các loại cây trồng vụ Đông Xuân 2014-2015 đều cao hơn so với cùng kỳ năm trước; riêng cây lúa, khoai lang giảm hơn so với cùng kỳ.

Tổng giá trị sản xuất vụ Đông Xuân 2014-2015, tính theo giá thực tế đạt trên 1.950 tỷ đồng.

1. Cây lúa

- Diện tích: 30.841,6 ha, đạt 100,46% kế hoạch, tương đương với cùng kỳ.
- Năng suất: 59,68 tạ/ha, đạt 98,16% so kế hoạch và giảm 1,07% so với cùng kỳ (giảm 0,65 tạ/ha);
- Sản lượng: 184.072,2 tấn, đạt 98,61% kế hoạch, giảm 1,04% so với cùng kỳ (giảm 1.937,0 tấn).

(Chi tiết tại Bảng 2, 3 phần phụ lục)

- Cơ cấu trà lúa: Diện tích trà lúa Xuân muộn được giữ ổn định, đây là trà thường cho năng suất cao. Cụ thể:

+ Tỷ lệ diện tích trà lúa Xuân muộn chiếm 89,24%, năng suất bình quân đạt 60,09 tạ/ha;

+ Tỷ lệ diện tích trà lúa Xuân sớm chiếm 10,76%, năng suất bình quân đạt 56,30 tạ/ha;

(Chi tiết tại Bảng 4 phần phụ lục)

- Cơ cấu giống lúa: Diện tích các giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao dần được mở rộng như: Thiên ưu 8 (10,46%), HT1 (9,12%) góp phần đáng kể trong việc nâng cao giá trị sản xuất trên 01 ha đất canh tác, tăng thu nhập cho nông dân. Tuy nhiên, một số giống lúa có chất lượng gạo thấp vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn như: Khang dân 18 (48,38%), Q5 (5,34%) .

(Chi tiết tại Bảng 5 phần phụ lục)

2. Các loại cây hàng năm khác

Diện tích các cây: Ngô, sắn, khoai lang, đậu tương, lạc, cây thức ăn gia súc, hoa cây cảnh đều tăng hơn so với cùng kỳ 2014 (ngô tăng 2,07%; sắn tăng 7,96%; khoai lang tăng 0,11%; cây thức ăn gia súc tăng 17,49% và hoa cây cảnh tăng 9,40%). Một số loại cây trồng có diện tích giảm hơn so với cùng kỳ như: Đậu tương giảm 10,59%; cây rau các loại giảm 5,86%; đậu, đỗ các loại giảm 5,86%; lạc giảm 5,71%.

Về năng suất: Hầu hết các loại cây trồng trong vụ Đông Xuân 2014 - 2015 cho năng suất cao hơn so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Cây ngô năng suất đạt 47,50 tạ/ha, tăng 0,84% (tăng 0,39 tạ/ha); rau các loại tăng 1,98%; đậu đỗ các loại tăng 0,19%; đậu tương tăng 0,13%; lạc tăng 3,34%. Riêng cây khoai lang giảm 6,22% so với cùng kỳ.

(Chi tiết tại Bảng 2 phần phụ lục)

III. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT

1. Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và quản lý, chỉ đạo của các cơ quan Nhà nước

- Thường xuyên được lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo sâu sát.

- Sở Nông nghiệp & PTNT cùng các ngành liên quan đã phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành, thị tập trung chỉ đạo các địa phương sớm chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất sát với tình hình thực tiễn, phù hợp với điều kiện của địa phương nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng sinh thái; công tác thủy lợi được tăng cường và đảm bảo nước cho cây trồng; công tác dự tính, dự báo, phòng trừ sâu bệnh kịp thời.

- Sở Nông nghiệp & PTNT đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc (Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư, Trung tâm Giống cây trồng, Trung tâm Kỹ thuật rau hoa quả, Trung tâm Kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng đất và vật tư nông nghiệp,...) phối hợp với Phòng Nông nghiệp & PTNT (Phòng Kinh tế), Trạm khuyến nông các huyện, thành, thị, UBND các xã, HTX xây dựng nhiều mô hình trình diễn để nông dân tham quan, học tập làm cơ sở nhân rộng trong các vụ tiếp theo. Trong đó, một số mô hình đạt kết quả tốt như: Giống lúa Thiên ưu 8; giống ngô biến đổi gen; các loại giống bí, dưa mới và nhiều giống cây màu khác.

- Mô hình sử dụng giống lúa mới và phát triển vùng trồng trọt sản xuất hàng hoá tiếp tục được mở rộng và phát huy hiệu quả. Kết quả triển khai mô hình giống lúa mới và vùng trồng trọt sản xuất vụ Xuân 2015 được đánh giá khá tốt. Toàn tỉnh đã xây dựng được 326 mô hình giống lúa mới với diện tích 2.733,37 ha và 41 vùng trồng trọt sản xuất hàng hóa với diện tích 441,0 ha.

- Các cấp, các ngành cùng nông dân tích cực bám sát đồng ruộng, khắc phục khó khăn, góp phần giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất, giúp nông dân yên tâm phát triển sản xuất nông nghiệp, giải quyết việc làm, đảm bảo an ninh lương thực và an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực thanh tra

Thanh tra Sở đã tiến hành tổ chức 02 đợt thanh, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh giống cây trồng và phân bón trên địa bàn. Nội dung chủ yếu là kiểm tra điều kiện sản xuất, kinh doanh; việc chấp hành các quy định về hợp đồng sản xuất, kinh doanh; quy định về nhãn mác, bao bì; việc công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá, chất lượng của giống, vật tư, phân bón...; Cụ thể:

- Về giống cây trồng: Tiến hành thanh, kiểm tra 01 đợt; lấy 13 mẫu giống để kiểm tra chất lượng. Trong đó, có 02 mẫu (3,08% mẫu) có chỉ tiêu không đạt yêu cầu (chỉ tiêu hạt cỏ dại). Đã nhắc nhở, cảnh cáo đối với các đơn vị sai phạm.

- Về phân bón: Tiến hành thanh, kiểm tra 01 đợt; lấy 01 mẫu thử nghiệm, kết quả kiểm nghiệm cho thấy mẫu phân bón phù hợp với tiêu chuẩn công bố.

Chi cục Bảo vệ thực vật đã tổ chức 03 đợt thanh, kiểm tra về điều kiện kinh doanh, ghi nhãn thuốc BVTV tại 65 tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc BVTV, chưa phát hiện có thuốc BVTV cấm sử dụng, thuốc ngoài danh mục, thuốc không rõ nguồn gốc, thuốc hết hạn sử dụng. Kiểm tra đối chiếu ghi nhãn thuốc 158 lượt; thống kê được 189 loại thuốc thương phẩm lưu thông trên thị trường, chưa phát hiện thấy vi phạm.

Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đã kiểm tra chất lượng 10 mẫu giống lúa, kết quả cho thấy 4/10 mẫu chưa đảm bảo chất lượng

(chiếm 40%), chủ yếu về chỉ tiêu độ ẩm, hạt cỏ dại. Chi cục đã có văn bản thông báo về kết quả phân tích mẫu đến các Doanh nghiệp sai phạm, nhắc nhở và yêu cầu khắc phục các lỗi sai nhằm đảm bảo về chất lượng trong những vụ tiếp theo. Phạt cảnh cáo 02 cơ sở, phạt tiền 01 cơ sở với số tiền 3 triệu đồng.

Như vậy, công tác quản lý Nhà nước về giống cây trồng, vật tư, phân bón tiếp tục được tăng cường, đã góp phần đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng đi vào nề nếp, bảo vệ quyền lợi nông dân.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ, PHỤC VỤ SẢN XUẤT

1. Công tác tuyên truyền, chuyển giao và ứng dụng TBKHKT

- Đã in ấn, phát hành hàng vạn tờ rơi hướng dẫn kỹ thuật. Xây dựng nhiều chuyên mục trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Vĩnh Phúc, Cổng thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin Nông nghiệp & PTNT,... Tuyên truyền trên các Panô, áp phích và hệ thống truyền thanh cơ sở với những nội dung thiết thực, dễ hiểu, phát huy hiệu quả. Ngoài ra, các cơ quan thông tin đại chúng, các Sở, ban ngành, các tổ chức đoàn thể,... đã tích cực phối hợp với ngành Nông nghiệp & PTNT từ tỉnh đến cơ sở, tham gia tuyên truyền, khuyến cáo, hướng dẫn nông dân và các hội viên của mình tích cực ứng dụng các TBKHKT vào sản xuất.

- Tổ chức các hội nghị tham quan đầu bờ và các lớp tập huấn kỹ thuật cho hàng nghìn lượt nông dân về các tiên bộ khoa học kỹ thuật mới, quy trình canh tác, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cho lúa, rau, màu,...

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nông dân sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ sinh học, phân vi sinh, phân bón lá, sử dụng phân bón cân đối, hợp lý; áp dụng những TBKHKT: Quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI), thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), hiệu ứng hàng biên (cây lúa hàng rộng, hàng hẹp),... vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

2. Công tác BVTV

Sở Nông nghiệp & PTNT đã chỉ đạo Chi cục BVTV triển khai, thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo, phát hiện sớm, chính xác, có thông báo chỉ đạo; phối hợp với các cấp, các ngành và các địa phương theo dõi chặt chẽ tình hình sâu bệnh, hướng dẫn phòng trừ kịp thời, hiệu quả, nên đã giảm thiểu thiệt hại do sâu bệnh và chuột hại gây ra, bảo vệ an toàn sản xuất.

Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh và chuột hại trên cây lúa vụ Đông Xuân là 8.875,0 ha (bằng 89,58% so với cùng kỳ năm 2014). Trong đó, diện tích đến ngưỡng cần phòng trừ 2.656,0 ha (bằng 89,41% so với cùng kỳ), nặng 141,0 ha (bằng 24,02% so với cùng kỳ), diện tích được phòng trừ 7.465,0 ha (bằng 64,6% so với cùng kỳ). Tỷ lệ thiệt hại bình quân chung do sâu bệnh, chuột hại,... gây ra trong vụ Đông Xuân 2014-2015 ở mức 0,18%.

Công tác Kiểm dịch thực vật, khai báo Kiểm dịch thực vật tiếp tục được thực hiện tốt, góp phần hạn chế dịch bệnh xâm nhập từ bên ngoài vào địa bàn tỉnh. Công tác thanh kiểm tra BVTV được tăng cường, các hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc và vật tư BVTV được quản lý chặt chẽ, đi vào nề nếp, góp phần bảo vệ sản xuất và quyền lợi cho nông dân.

3. Về thủy lợi

Ngay từ đầu vụ, Sở Nông nghiệp & PTNT đã chỉ đạo, yêu cầu các Công ty TNHH MTV Thủy lợi chủ động xây dựng phương án bảo đảm nước phục vụ tưới vụ Đông 2014, chủ động trữ nước phục vụ tưới vụ Đông Xuân 2014-2015. Tiến hành nạo vét kênh mương, cửa khẩu các trạm bơm, tu bổ, sửa chữa các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, thực hiện tưới tiết kiệm, hiệu quả. Đảm bảo phục vụ tưới cho 42.032,4 ha cây trồng (trong đó cây lúa 30.841,6 ha; các loại cây trồng khác 11.190,8 ha).

4. Về dịch vụ giống

Nhu cầu về giống cho sản xuất vụ Đông Xuân 2014-2015 trên toàn tỉnh khoảng 1,6 nghìn tấn. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh giống cây trồng của tỉnh đã cung ứng trên 800 tấn giống lúa các loại... đáp ứng được 50% nhu cầu sản xuất. Các đơn vị TW, tỉnh bạn cung ứng trực tiếp đến các địa phương, hộ nông dân trên địa bàn tỉnh khoảng 30 - 40% lượng giống các loại. Số còn lại chủ yếu do các xã, HTX và hộ nông dân tự tổ chức nhân giống để phục vụ sản xuất. Do vậy, chất lượng giống cung ứng cơ bản đáp ứng yêu cầu.

5. Về dịch vụ vật tư, phân bón

Sở Nông nghiệp & PTNT đã chỉ đạo các đơn vị cung ứng chuẩn bị đủ các loại vật tư, phân bón, thuốc BVTV đảm bảo chất lượng, giá cả phù hợp phục vụ sản xuất, góp phần bình ổn giá. Hội Nông dân tỉnh cũng mở rộng liên kết, thực hiện cung ứng theo phương thức trả chậm được 2.475 tấn phân bón các loại, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nông dân.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, khuyến cáo, xây dựng các mô hình “cây lúa hiệu ứng hàng biên”, áp dụng hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI), “Bón phân cân đối”... Bà con nông dân ngày càng quan tâm hơn đến việc sử dụng phân bón cân đối, hợp lý cho cây trồng, giảm phân đạm, tăng cường sử dụng phân hữu cơ, phân bón qua lá, phân Kali,... để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất.

IV. MỘT SỐ HẠN CHẾ, YẾU KÉM

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong sản xuất vụ Đông Xuân 2014-2015 vẫn còn một số hạn chế, yếu kém sau đây:

- Việc nhân rộng các mô hình sản xuất được đánh giá có hiệu quả như: Mô hình áp dụng hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), cây lúa hiệu ứng hàng biên; các mô hình sản xuất hàng hóa như: Lúa năng suất, chất lượng, cà chua, bí đỏ, bí xanh, dưa chuột, dưa hấu,... còn chậm và không đồng đều giữa các vùng, các địa phương trong tỉnh.

- Một số loại giống cây trồng như: Lạc, đậu tương, rau,... chưa kịp thời được thay thế bằng giống mới có năng suất, chất lượng tốt hơn.

- Công tác lãnh, chỉ đạo của một số địa phương chưa quyết liệt, nhất là chuyển dịch cơ cấu giống (chậm đưa TBKT về giống mới vào sản xuất) và gieo cấy đúng khung lịch thời vụ.

- Công tác phục vụ tưới, tiêu, chống hạn cho vụ Xuân ở một số nơi đôi lúc chưa kịp thời, chưa được quan tâm đúng mức.

- Nguồn nhân lực làm công tác chỉ đạo sản xuất trồng trọt từ tỉnh đến cơ sở thiếu, nhất là ở cấp xã; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác chưa đáp ứng yêu cầu.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2015 - 2016

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ NGUỒN NƯỚC

Theo dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn Vĩnh Phúc, do ảnh hưởng của El Nino nên vụ Đông Xuân 2015 - 2016 có xu hướng ấm và hạn diện rộng có thể xảy ra. Thời tiết đến đúng với quy luật nhiều năm và sớm hơn so với vụ Đông Xuân 2014 - 2015. Trong vụ có khoảng 9 - 10 đợt không khí lạnh sẽ gây ra một số ngày rét đậm, rét hại vào những tháng chính đông.

- Tổng lượng mưa toàn vụ có khả năng ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với TBNN. Lượng mưa các nơi phổ biến từ 120 - 150 mm. Riêng các tháng 01, 02/2016 lượng mưa có khả năng ở mức thấp hơn so với TBNN, các tháng còn lại ở mức xấp xỉ TBNN. Trong vụ, mưa nhiều nhất vào đầu và cuối vụ, lượng mưa các nơi phổ biến 30 - 40mm. Mưa ít nhất là vào tháng 12/2015, lượng mưa các nơi phổ biến 5 - 10mm.

- Nền nhiệt độ vụ Đông Xuân 2015 - 2016 có khả năng ở mức cao hơn TBNN. Trong vụ có khoảng 1-2 đợt rét đậm rét hại (từ 3 ngày trở nên), khả năng tập trung vào tháng 1 năm 2016 (nhiệt độ trung bình ngày dưới 15⁰C) muộn hơn so với vụ Đông Xuân 2014 - 2015 và TBNN. Đợt rét đậm đầu tiên khả năng xuất hiện vào đầu tháng 1 năm 2016 (muộn hơn so với TBNN). Trong vụ, rét nhất xảy ra vào tháng 1 năm 2016; nhiệt độ trung bình ngày 14,0 - 15,0⁰C; nhiệt độ thấp nhất từ 9 - 11⁰C, do vậy cần có các biện pháp để phòng chống rét cho cho mạ và lúa mới cấy.

- Tổng số giờ nắng vụ Đông Xuân 2015 - 2016 có khả năng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn so với TBNN. Tổng số giờ nắng toàn vụ khoảng 500 giờ. Tháng có số giờ nắng ít nhất là tháng 01/2016 với khoảng 10 - 15 giờ. Tháng có số giờ nắng nhiều nhất là tháng 11/2015 và tháng 4/2016 với số giờ nắng khoảng 150 - 155 giờ. Các tháng còn lại đều ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN một ít.

- Độ ẩm trung bình toàn vụ ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn so với TBNN. Tháng có độ ẩm cao nhất là tháng 2, 3/2016, độ ẩm trung bình tháng phổ biến 80 - 85%. Tháng có độ ẩm thấp nhất là tháng 11, 12/2015 độ ẩm trung bình tháng 70 - 75%.

- Do lượng dòng chảy cuối mùa lũ năm 2015 trên các sông Bắc Bộ ở mức thấp và thiếu hụt khoảng 20-70% so với TBNN, nên vụ Đông Xuân năm 2015 - 2016 sẽ tiếp tục xảy ra tình trạng thiếu nước, khả năng sẽ xảy ra hạn diện rộng ở đầu vụ, đặc biệt là ở vùng núi và trung du. Do vậy, cần có các biện pháp trữ nước và có kế hoạch sử dụng nước hợp lý. Trên sông Lô tại Việt Trì, mùa cạn

chế độ dòng chảy phụ thuộc chính vào sự điều tiết của các hồ thủy điện, mực nước thấp nhất tại Việt Trì các tháng mùa cạn 2015 - 2016 khả năng ở mức thấp hơn TBNN và xấp xỉ mùa cạn năm 2014 - 2015. Mực nước thấp nhất tại Việt Trì ở mức 4,0m, xuất hiện vào cuối tháng 02, đầu tháng 3/2016.

II. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng mở rộng diện tích cây hàng hoá có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ. Mở rộng quy mô các vùng trồng trọt sản xuất hàng hoá để tạo khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn. Tăng cường sử dụng giống tốt, có phẩm cấp chất lượng từ xác nhận trở lên, tăng tỷ lệ giống lúa chất lượng để thay thế giống lúa KD18.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm đầu ra cho các sản phẩm hàng hóa của tỉnh; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm trồng trọt trên địa bàn.

- Tăng cường đưa tiến bộ kỹ thuật mới về giống, sử dụng giống tốt, kỹ thuật canh tác mới vào sản xuất; mở rộng diện tích sử dụng giống lúa năng suất, chất lượng, cây trồng hàng hóa; đẩy mạnh áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) trên tất cả các loại cây trồng, nhất là trên cây rau, tiến tới đăng ký thương hiệu cho một số sản phẩm hàng hóa, vừa tạo sản phẩm có chất lượng cao, vừa góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân.

- Thực hiện và khuyến khích việc dồn điền, đổi thửa nhằm góp phần đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, nhất là khâu làm đất và gieo trồng, thu hoạch để giảm căng thẳng về lao động lúc thời vụ, hạ giá thành sản phẩm. Áp dụng biện pháp che phủ nilon cho mạ Xuân muộn đúng kỹ thuật. Xây dựng mô hình: “cánh đồng lớn”, “sản xuất theo chuỗi giá trị”; phát triển sản xuất hữu cơ, cây dược liệu.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuê ruộng, gom ruộng để sản xuất tập trung nhằm tạo khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn, tính cạnh tranh cao; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Làm tốt công tác đảm bảo chất lượng VSATTP trong sản xuất trồng trọt. Bón phân đủ, cân đối; tăng cường sử dụng phân bón tổng hợp, phân kali, phân hữu cơ, phân bón lá, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thảo mộc.

- Chủ động có các phương án phòng chống thiên tai, dịch hại. Sử dụng nguồn nước tưới hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.

III. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm: 41.500,0 ha.

- Tổng sản lượng lương thực cây có hạt: 195,178 nghìn tấn; Trong đó:

+ Sản lượng lúa: 183,85 nghìn tấn.

- + Sản lượng ngô: 11,328 nghìn tấn.
- Phân đầu giá trị sản xuất vụ Đông Xuân 2015 - 2016 (theo giá thực tế) đạt trên 2.000 tỷ đồng.

(Chi tiết tại bảng 06, 07 phần phụ lục)

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất

Trên cơ sở những chủ trương, định hướng của tỉnh, các địa phương cần bám sát tình hình sản xuất để có biện pháp hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt, phù hợp với thực tế của địa phương.

Các huyện, thành, thị phân công lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị chuyên môn thường xuyên bám sát cơ sở, tổ chức hướng dẫn nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất.

Sở Nông nghiệp & PTNT phân công lãnh đạo Sở, lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị phối hợp với Phòng Nông nghiệp & PTNT (Phòng Kinh tế) các huyện, thành, thị, các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức đoàn thể để cùng các địa phương tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2015 - 2016; kịp thời phát hiện và đề xuất các biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh Giống cây trồng, Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật và các văn bản pháp quy khác về quản lý hàng hoá chuyên ngành nông nghiệp. Tổ chức tốt các đợt thanh, kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh vật tư nông, lâm nghiệp trên địa bàn để bảo vệ quyền lợi cho nông dân.

Từng bước hợp tác, xây dựng các mô hình về nông nghiệp công nghệ cao, “cánh đồng lớn”, sản xuất theo chuỗi giá trị, các nội dung thuộc chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp...; đồng thời, đẩy mạnh và làm tốt các chương trình hợp tác, liên kết trong sản xuất.

Các địa phương chủ động hoàn thiện việc xây dựng quy hoạch chi tiết đồng ruộng, làm cơ sở cho việc phát triển trồng trọt sản xuất hàng hoá nhằm phát huy kết quả đã đạt được trong thời gian qua để mở rộng quy mô diện tích, lựa chọn cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu của địa phương đưa vào sản xuất,... Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn nông dân và các doanh nghiệp xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các bên để phát triển bền vững.

2.2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Vĩnh Phúc, Công thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử Nông nghiệp & PTNT, hệ thống truyền thanh cơ sở và các hội nghị, lớp tập huấn... thực hiện một đợt tuyên truyền sâu rộng cho sản xuất vụ Đông Xuân 2015 - 2016. Nội dung chủ yếu là phổ biến các chủ trương, định hướng của tỉnh: Hướng dẫn cơ cấu giống cây trồng và thời vụ; giới thiệu các mô hình, điển hình

sản xuất có hiệu quả, những biện pháp kỹ thuật thâm canh, các loại giống cây trồng mới, thông tin thị trường, diễn biến thời tiết...

2.3. Bố trí cơ cấu giống cây trồng và thời vụ hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương

2.3.1. Đối với cây lúa

Năm 2016, tiết Lập xuân vào ngày 04/02/2016, Tết Nguyên Đán từ 08-10/02/2014 (mùng 1 đến mùng 3 tết); trên cơ sở đó, tùy thời gian sinh trưởng của từng giống, điều kiện thực tế của địa phương để bố trí thời vụ gieo cấy phù hợp (gieo mạ Xuân muộn đúng khung lịch thời vụ, cấy sau Tết Nguyên Đán) đảm bảo lúa phân hóa đồng và trổ gặt thời tiết thích hợp; tránh rét muộn khi lúa trổ và lũ Tiểu mãn ở vùng đất trũng khi thu hoạch.

a) *Về cơ cấu trà lúa:* Mở rộng tối đa diện tích trà lúa Xuân muộn, vì đây là trà lúa giảm được chi phí đầu tư và ảnh hưởng của thời tiết bất thuận, sâu bệnh hại, cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao nhất.

b) Về cơ cấu giống, thời vụ

- Trà lúa Xuân sớm: Chỉ bố trí trên các chân đất rón trũng, dễ ngập úng; sử dụng các giống dài ngày như: Xi23, X21, NX30,...; Thời vụ gieo từ 15 - 25/11/2015; Tuổi mạ: 5 - 6 lá.

- Trà lúa Xuân muộn: Đây là trà lúa chủ lực, bố trí chủ yếu trên các chân đất vằn thấp, vằn, vằn cao chủ động nước. Sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng ngắn (dưới 130 ngày), có tiềm năng năng suất cao, chất lượng gạo khá và tốt như: Lúa thuần: Thiên ưu 8, HT1, DQ11, nếp 97,...; Lúa lai TH3-5,... Thời vụ gieo từ 25/01 - 05/02/2016. Áp dụng biện pháp làm mạ có che phủ nilon đúng kỹ thuật để chống rét và chim chuột phá hại; tuổi mạ 2,5 - 3,5 lá. Tại những nơi có điều kiện, áp dụng biện pháp gieo thẳng, thời vụ gieo từ ngày 10 - 15/02/2016.

2.3.2. *Đối với cây ngô:* Sử dụng các giống ngô như: NK4300, LVN4, NK6654, CP 333, ngô nếp, ngô chuyên gen,...; Thời vụ gieo từ 20/01-15/02/2016. Tiến hành trồng dặm và chăm sóc khi cây có 3 - 4 lá. Lưu ý phòng trừ sâu xám, sâu đục thân, rệp cò, khô vằn....

2.3.3. *Đối với cây đậu tương:* Bố trí trên chân đất cao hạn, khó nước, chuyên trồng rau màu. Sử dụng các giống DT84, DT96, DT26... gieo từ 20/02 - 05/3/2016.

2.3.4. *Đối với cây lạc:* Bố trí trên đất có thành phần cơ giới nhẹ. Sử dụng các giống L14, L15, L18,... thời vụ gieo từ 15/01 - 15/02/2016. Để đạt năng suất, hiệu quả cao nên sử dụng các giống có chất lượng tốt và tăng cường sử dụng phân lân, vôi bột.

2.3.5. *Đối với rau màu và cây hàng năm khác:* Thực hiện đa dạng hoá chủng loại sản phẩm rau nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn, đẩy mạnh áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) trong sản xuất. Tăng cường công tác quản lý, giám sát chất lượng từ

khâu sản xuất đến tiêu thụ. Tập trung triển khai, mở rộng xây dựng các vùng trồng trọt sản xuất hàng hoá (bí đỏ, bí xanh, dưa chuột, dưa hấu, cà chua, ớt, su su, khoai tây...).

2.4. Làm tốt các dịch vụ phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2015 - 2016

2.4.1. Về giống, vật tư, phân bón

Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống, vật tư phân bón, thuốc BVTV theo chức năng nhiệm vụ của mình, căn cứ định hướng cơ cấu giống cây trồng và thời vụ sản xuất của tỉnh, chuẩn bị đủ giống tốt và các loại vật tư, phân bón, thuốc BVTV,... đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất. Giao Trung tâm Giống cây trồng phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan thực hiện tốt chương trình trợ giá, trợ cước của tỉnh để phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2015 - 2016; đồng thời, có phương án giống dự phòng, sẵn sàng cung ứng khi có thiên tai, dịch hại xảy ra.

Tiếp tục khảo nghiệm, thử nghiệm, trình diễn các giống cây trồng mới có triển vọng nhằm chọn ra giống tốt, phù hợp để đưa vào cơ cấu giống cây trồng của tỉnh trong các vụ sản xuất tiếp theo.

Tăng cường áp dụng công nghệ sinh học như: Sử dụng giống cây trồng sạch bệnh, giống có năng suất, chất lượng cao, chống chịu tốt với sâu bệnh và thời tiết bất lợi,...

Khuyến khích nông dân sử dụng phân bón vi sinh, hữu cơ, phân bón tổng hợp, phân kali và thuốc BVTV sinh học,... nhằm bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng nông sản. Ưu tiên sử dụng các sản phẩm phân vi sinh đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng tốt, có uy tín trên thị trường, nhất là sản phẩm được sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Thường xuyên kiểm tra mạng lưới các cửa hàng, đại lý kinh doanh giống và vật tư nông nghiệp nhằm phát hiện, xử lý kịp thời tình trạng kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng cấm sử dụng và nhập lậu gây ảnh hưởng đến sản xuất.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia sản xuất, dịch vụ cung ứng giống và vật tư phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh trên cơ sở chấp hành tốt các quy định của Nhà nước.

2.4.2. Công tác bảo vệ thực vật

Chi cục BVTV tiếp tục phát huy làm tốt công tác dự tính, dự báo sâu bệnh, chuột hại trên đồng ruộng; tổ chức, hướng dẫn có hiệu quả việc phòng trừ sâu, bệnh, chuột hại, nhất là **tổ chức chiến dịch diệt chuột khi đồ ải và cao điểm sâu, bệnh, chuột hại tháng 4, 5/2016**. Làm tốt công tác quản lý Nhà nước về BVTV và KDTV, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật. Đẩy mạnh hướng dẫn nông dân ứng dụng kỹ thuật “3 giảm 3 tăng”, hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI), biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên tất cả các loại cây trồng vụ Đông Xuân 2015 - 2016.

2.4.3. Công tác chuyển giao và ứng dụng TBKT

Các đơn vị trực thuộc Sở có liên quan: Chi cục BVTV, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư, Trung tâm Giống cây trồng, Trung tâm Kỹ thuật rau hoa quả, Trung tâm Kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng đất và vật tư nông nghiệp, Trung tâm Thông tin Nông nghiệp & PTNT, Trung tâm Bồi dưỡng kiến thức và đào tạo nghề cho nông dân phối hợp chặt chẽ với Phòng Nông nghiệp & PTNT (Phòng Kinh tế), Trạm Khuyến nông các huyện, thành, thị, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Vĩnh Phúc, Công thông tin điện tử tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở tăng cường các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến bà con nông dân (*chú trọng biện pháp bón phân cân đối, sử dụng phân bón tổng hợp; phân kali, kỹ thuật cấy lúa hiệu ứng hàng biên...*); quan tâm đến vùng núi, vùng còn nhiều khó khăn,... Tiếp tục phối hợp chỉ đạo, xây dựng các vùng trồng trọt sản xuất hàng hoá với từng loại cây trồng và quy mô thích hợp, tiến tới tổ chức chứng nhận cho các vùng có đủ điều kiện sản xuất sản phẩm an toàn nhằm nâng cao giá trị sản xuất. Phối hợp với các doanh nghiệp xây dựng mô hình “cánh đồng lớn”. Từng bước xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi, sản xuất hữu cơ...

Lựa chọn và mở rộng quy mô các mô hình có hiệu quả để nông dân thăm quan, học tập. Trong quá trình triển khai cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trực thuộc Sở với các huyện, thành, thị. Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX để phát huy tốt vai trò là cầu nối chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật đến nông dân.

2.4.4. Về công tác thủy lợi

Theo báo cáo của Chi cục Thủy lợi: Cân đối nguồn nước vụ Đông Xuân 2015 - 2016 sẽ thiếu khoảng 3,4 triệu m³ so với nhu cầu. Tuy nhiên, do nguồn nước phân bố không đều theo không gian và thời gian nên trong thời gian tới, nếu lượng mưa ít thì tình hình hạn hán, thiếu nước cục bộ sẽ xảy ra ở vụ Đông Xuân 2015-2016; khả năng cung cấp nguồn từ các trạm bơm ven sông phụ thuộc hoàn toàn vào mực nước sông theo chế độ xả của Tập đoàn điện lực Việt Nam. Do vậy cần tăng cường quản lý việc sử dụng nguồn nước trữ tại các ao hồ, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế việc tháo nước để thu hoạch cá vào thời điểm cuối năm, nhất là các ao hồ nhỏ do các xã, HTX quản lý. Cần chủ động các phương án chống hạn như: Lắp máy bơm điện, bơm dầu dã chiến, bơm nhiều cấp, nạo vét cửa khẩu lấy nước,...

Giao Chi cục Thủy lợi chủ trì, phối hợp với 4 Công ty TNHH MTV thủy lợi: Liễn Sơn, Tam Đảo, Lập Thạch, Phúc Yên xây dựng kế hoạch và thống nhất lịch trữ nước, phương án tưới cụ thể tới từng địa phương. Trước mắt, cần đảm bảo đủ nước tưới dưỡng cho cây vụ Đông và nước làm mạ vụ Đông Xuân 2015-2016.

Các Công ty TNHH MTV Thủy lợi chủ động chuẩn bị các điều kiện phục vụ công tác bơm, tích trữ nước; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các huyện, thành, thị, các xã, HTX để quản lý chặt chẽ nguồn nước, thống nhất lịch tưới cụ thể với từng địa phương, tránh tình trạng tranh chấp nước tưới xảy ra, ảnh hưởng

tiến độ gieo trồng. Trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất, nhất là phòng chống thiên tai, hạn hán, các đơn vị và các địa phương phải luôn cần có sự linh hoạt, nhạy bén, tránh duy ý chí, ảnh hưởng đến sự chỉ đạo, điều hành chung của tỉnh, ảnh hưởng đến sản xuất. Chủ động duy tu, bảo dưỡng các công trình phục vụ tưới, tiêu, nạo vét kênh mương, cửa khẩu, bơm trữ nước phục vụ đồ ải và tưới dưỡng cho cây trồng khi có lịch xả nước của Bộ Nông nghiệp & PTNT và Tập Đoàn Điện lực Việt Nam. Trong quá trình phục vụ, các Công ty cần nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo điều hành của Sở Nông nghiệp & PTNT, kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc về Sở để có giải pháp tháo gỡ.

3. Tổ chức thực hiện

Sở Nông nghiệp & PTNT chủ động phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành, thị trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2015-2016; tiếp tục tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh có kế hoạch ban hành cơ chế, chính sách mới hỗ trợ nông dân và đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

Các đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp chặt chẽ với phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) các huyện, thành, thị và các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức đoàn thể,... thực hiện tốt nhiệm vụ, giúp bà con nông dân tổ chức tốt sản xuất.

Phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) các huyện, thành, thị chủ động tham mưu cho UBND cấp huyện về quy hoạch đồng ruộng để làm cơ sở cho việc xây dựng các vùng trồng trọt sản xuất hàng hoá. Tuyên truyền các chủ trương, định hướng và giải pháp thực hiện tới UBND các xã, HTX, bà con nông dân trên địa bàn. Chỉ đạo các xã, HTX có giải pháp cụ thể trong quá trình tổ chức chỉ đạo triển khai sản xuất vụ Đông Xuân 2015-2016, phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương.

III. MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ

Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng lớn của điều kiện thời tiết, nhất là ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, tính thời vụ rất nghiêm ngặt và rủi ro cao. Để sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, bền vững, hiệu quả, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đề nghị:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT, Cục Trồng trọt và các cơ quan Trung ương quan tâm, hỗ trợ tỉnh Vĩnh Phúc sớm tiếp cận và áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới: Xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, canh đồng lớn, sản xuất theo chuỗi giá trị, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa, các loại giống cây trồng, phân bón, kỹ thuật canh tác mới, hỗ trợ xây dựng các mô hình áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt VietGAP; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, thông tin thị trường, các hoạt động xúc tiến thương mại; có chính sách hỗ trợ cho việc tích tụ ruộng đất và các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tiêu thụ nông sản cho nông dân,....

- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành, các huyện, thành, thị tăng cường phối hợp với ngành Nông nghiệp & PTNT trong quá trình tổ chức triển khai sản xuất; đồng thời, tiếp tục có cơ chế,

chính sách mới hỗ trợ sản xuất trồng trọt. Sớm phê duyệt "**Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp gắn với chuyển đổi lao động nông thôn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**" để Ngành Nông nghiệp phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền và hướng dẫn triển khai thực hiện.

- Các cơ quan thông tin đại chúng: Đài phát thanh - truyền hình, Báo Vĩnh Phúc, Cổng thông tin điện tử tỉnh và hệ thống truyền thanh cơ sở tăng thời lượng, kịp thời thông báo các tin tức về thời tiết, khí tượng thủy văn, tình hình sâu bệnh hại để các địa phương và mọi tầng lớp nhân dân biết và tích cực, chủ động các giải pháp phòng, chống bảo vệ an toàn cho sản xuất.

- UBND các huyện, thành, thị triển khai thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2015-2016, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương để đảm bảo đạt kết quả tốt. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xem xét, cân đối, trích ngân sách hỗ trợ cho việc mở rộng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Đồng thời, chỉ đạo các xã, HTX rà soát những diện tích cao hạn, cấy lúa kém hiệu quả chuyển đổi sang các loại cây rau màu; chủ động xây dựng kế hoạch triển khai phát triển sản xuất. Tăng cường công tác mở rộng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới để tăng hiệu quả sản xuất.

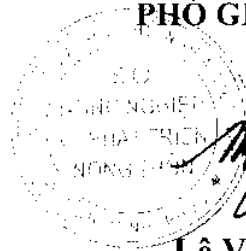
Phát huy kết quả đạt được trong những năm qua, khắc phục những hạn chế, yếu kém, với kinh nghiệm và cố gắng nỗ lực của bà con nông dân trong tỉnh, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp & PTNT, ngành Nông nghiệp & PTNT Vĩnh Phúc quyết tâm phấn đấu sản xuất vụ Đông Xuân 2015 - 2016 đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- TT TU, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- VPTU, HĐND, UBND;
- Cục Trồng trọt (b/c);
- Các Sở, ban ngành liên quan (p/h);
- UBND các huyện, thành, thị (p/h);
- Đài PT - TH, Báo VP (p/h);
- GD và các PGĐ;
- Các đơn vị, phòng ban của Sở có liên quan (t/h);
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành, thị (t/h);
- Lưu: VT, TT.

(406)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Dũng

Bảng 01. DIỄN BIẾN THỜI TIẾT TỪ VỤ ĐÔNG XUÂN 2010-2011 ĐẾN NAY

Tháng Chi tiêu	Tháng							Cả vụ
	11	12	1	2	3	4	5	
I. Nhiệt độ TB (°C)								
- ĐX 2010 - 2011	22,3	19,1	12,5	17,7	17,2	23,8	26,8	4.222,2
- ĐX 2011 - 2012	24,0	17,2	14,9	16,3	20,5	26,1	28,8	4499,1
- ĐX 2012 - 2013	23,3	18,8	18,8	20,0	24,2	25,2	28,6	4499,1
- ĐX 2013 - 2014	22,7	15,8	17,3	17,3	20,2	25,2	29,1	4.475,8
- ĐX 2014 - 2015	22,8	17,2	17,8	19,2	21,8	25,3	30,2	4.677,6
TBNN	21,6	18,3	16,8	17,9	20,5	24,3	27,6	4.457,4
II. Lượng mưa (mm)								
- ĐX 2010 - 2011	30,0	28,5	21,6	10,7	119,7	44,6	134,0	389,1
- ĐX 2011 - 2012	3,7	39,8	45,6	12,2	16,1	67,7	237,8	422,9
- ĐX 2012 - 2013	62,4	8,3	23,7	25,0	11,5	49,8	165,1	345,8
- ĐX 2013 - 2014	14,7	45,4	0,3	14,1	49,3	132,0	72,4	328,2
- ĐX 2014 - 2015	27,1	9,0	49,6	10,9	48,2	41,7	241,0	427,5
TBNN	57,3	18,3	25,4	26,3	45,9	85,3	162,9	421,4
III. Số giờ nắng (giờ)								
- ĐX 2010 - 2011	160,0	89,0	7,0	44,0	15,0	64,0	143,0	522,0
- ĐX 2011 - 2012	127,0	86,0	7,0	47,0	30,0	120,0	167,0	584,0
- ĐX 2012 - 2013	92,0	42,0	9,0	46,0	81,0	93,0	165,0	528,0
- ĐX 2013 - 2014	66,0	178,0	139,0	35,0	14,0	24,0	198,0	654,0
- ĐX 2014 - 2015	84,0	94,0	103,0	51,0	47,0	121,0	207,0	707,0
TBNN	132,0	111,0	67,0	48,0	50,0	92,0	160,0	660,0
IV. Độ ẩm tương đối (%)								
- ĐX 2010 - 2011	76,0	80,0	81,0	84,0	83,0	83,0	143,0	90,0
- ĐX 2011 - 2012	79,0	72,0	85,0	83,0	76,0	80,0	82,0	79,6
- ĐX 2012 - 2013	82,0	81,0	85,0	86,0	80,0	81,0	79,0	82,0
- ĐX 2013 - 2014	77,0	71,0	76,0	93,0	87,0	86,0	76,0	80,9
- ĐX 2014 - 2015	81,0	73,0	81,0	84,0	89,0	79,0	78,0	80,7

**Bảng 02. DIỆN TÍCH - NĂNG SUẤT - SẢN LƯỢNG
MỘT SỐ CÂY HÀNG NĂM VỤ ĐÔNG XUÂN 2014- 2015**

TT	Cây trồng	Diện tích (ha)		Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (tấn)	
		Vụ ĐX 2014-2015	So cùng kỳ (±)	Vụ ĐX 2014-2015	So cùng kỳ (±)	Vụ ĐX 2014-2015	So cùng kỳ (±)
1	Lúa	30.841,6	10,3	59,68	-0,65	184.072,2	-1.937,0
2	Ngô	2.426,6	49,1	47,50	0,39	11.527,4	326,7
3	Sắn	1.918,6	141,5	-	-	-	-
4	Khoai lang	280,9	0,3	79,33	-5,26	2.228,3	-145,2
5	Rau xanh	2.316,5	-209,7	188,14	3,65	43.582,2	-3.023,7
6	Đậu, đỗ các loại	178,4	-11,1	9,80	0,02	174,8	-10,6
7	Đậu tương	196,3	18,8	16,85	0,02	330,8	32,1
8	Lạc	2.292,7	-138,8	19,32	0,62	4.430,6	-116,8
9	Cây thức ăn gia súc	778,7	115,9	-	-	-	-
10	Hoa cây cảnh	80,3	6,9	-	-	-	-
11	CHN khác	721,8	-73,8	-	-	-	-
Cả vụ		42.032,4	-90,6	-	-	-	-

SỞ
 NÔNG
 LÂM
 VÀ
 THỦY
 SẢN

**Bảng 03. DIỆN TÍCH - NĂNG SUẤT - SẢN LƯỢNG LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN
2014- 2015 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ TRONG TỈNH**

TT	Huyện, thành, thị	Diện tích (ha)		Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (tấn)	
		Vụ ĐX 2014-2015	So cùng kỳ (±)	Vụ ĐX 2014-2015	So cùng kỳ (±)	Vụ ĐX 2014-2015	So cùng kỳ (±)
1	Vĩnh Yên	1.334,8	-12,2	54,71	-3,39	7.302,9	-523,2
2	Phúc Yên	1.750,4	-30,6	49,76	-1,27	8.709,8	-378,9
3	Lập Thạch	3.947,3	45,5	58,80	0,60	23.209,0	501,0
4	Sông Lô	2.921,3	12,5	57,78	0,53	16.879,5	226,6
5	Tam Dương	3.317,1	2,2	56,58	-0,99	18.767,2	-317,6
6	Tam Đảo	2.101,2	7,9	47,01	-2,65	9.877,9	-516,5
7	Bình xuyên	4.382,5	-50,1	57,09	0,67	25.020,0	13,2
8	Vĩnh Tường	6.367,9	-31,0	66,48	-1,59	42.335,9	-1.220,3
9	Yên Lạc	4.719,1	66,1	67,75	-0,36	31.970,0	278,7
Toàn Tỉnh:		30.841,6	10,3	59,68	-0,65	184.072,2	-1.937,0

Bảng 04. CƠ CẤU TRÀ LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2014-2015

TT	Trà lúa	Diện tích (ha)	Tỷ lệ diện tích (%)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Xuân sớm	3.319,35	10,76	56,30	18.687
2	Xuân muộn	27.522,25	89,24	60,09	165.385
Tổng		30.841,60	100,00	59,68	184.072,20

Bảng 05. CƠ CẤU GIỐNG LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2014 - 2015

TT	Tên giống	Diện tích		Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
		Ha	Tỷ lệ (%)		
1	KD18	14.922,30	48,38	57,02	85.085,57
2	Thiên ưu 8	3.225,44	10,46	67,46	21.759,73
3	HT1	2.812,49	9,12	59,49	16.731,88
4	Q5	1.647,93	5,34	65,42	10.781,04
5	NX30, Xi23, X21,...	1.778,19	5,77	56,36	10.021,52
6	Nếp các loại	1.594,96	5,17	55,20	8.804,54
7	BC15	992,49	3,22	66,10	6.560,02
8	Lúa lai	892,95	2,90	69,98	6.248,74
9	Giống khác	2.974,85	9,65	60,77	18.079,16
Tổng		30.841,60	100,00	59,68	184.072,20

10/11/2015
 KIỂM RIẾT
 10/11/2015

**Bảng 06. KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH - NĂNG SUẤT - SẢN LƯỢNG
CÂY LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2015 - 2016 CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ**

TT	Huyện, thành, thị	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Vĩnh Yên	1.350,0	55,0	7.425,0
2	Phúc Yên	1.800,0	51,0	9.180,0
3	Lập Thạch	3.950,0	57,3	22.633,5
4	Sông Lô	2.900,0	58,0	16.820,0
5	Tam Dương	3.300,0	58,0	19.140,0
6	Tam Đảo	1.900,0	49,0	9.310,0
7	Bình Xuyên	4.350,0	57,5	25.012,5
8	Vĩnh Tường	6.350,0	67,0	42.545,0
9	Yên Lạc	4.640,0	68,5	31.784,0
Toàn tỉnh		30.540,0	60,2	183.850,0

**Bảng 07. KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH - NĂNG SUẤT - SẢN LƯỢNG
MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH VỤ ĐÔNG XUÂN 2015 - 2016**

TT	Cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Lúa	30.540,0	60,2	183.850,0
2	Ngô	2.400,0	47,2	11.328,0
3	Sắn	1.500,0	125,0	18.750,0
4	Khoai lang	300,0	90,0	2.700,0
5	Rau xanh	2.500,0	195,0	48.750,0
6	Đậu, đỗ các loại	200,0	10,5	210,0
7	Đậu tương	300,0	19,0	570,0
8	Lạc	2.500,0	20,0	5.000,0
9	Cây thức ăn gia súc	800,0		
10	Hoa cây cảnh	90,0		
11	CHN khác	370,0		
Cộng:		41.500,0		